

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số mức hỗ trợ thực hiện chính sách dân số
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003 và Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số ngày 27 tháng 12 năm 2008;

Xét Tờ trình số 4014/TTr-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua quy định một số mức hỗ trợ thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua quy định một số mức hỗ trợ thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2025 như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số mức hỗ trợ thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng cho các cơ quan, đơn vị, gia đình và cá nhân có liên quan thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Quy định một số mức hỗ trợ thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2025:

1. Chính sách điều chỉnh và duy trì mức sinh vùng, đối tượng, góp phần kéo dài thời kỳ dân số vàng, đảm bảo đủ nguồn nhân lực phục vụ tại địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



a) Chính sách khuyến khích, động viên ấp, khu vực (gọi là ấp):

- Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố, thưởng kèm 3.000.000 đồng/ấp duy trì mô hình gia đình sinh đủ 2 con trong 3 năm liên tục.

- Tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thưởng kèm 5.000.000 đồng/ấp duy trì mô hình gia đình sinh đủ 2 con trong 5 năm liên tục.

b) Chính sách khuyến khích, động viên xã, phường, thị trấn (gọi là xã)

- Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố, thưởng kèm 15.000.000 đồng/xã duy trì mô hình gia đình sinh đủ 2 con trong 3 năm liên tục.

- Tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thưởng kèm 25.000.000 đồng/xã duy trì mô hình gia đình sinh đủ 2 con trong 5 năm liên tục.

2. Chính sách khuyến khích khen thưởng, biểu dương cặp vợ chồng sinh đủ 2 con một bề là gái thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn; cho cha mẹ sinh con một bề là gái khi hết tuổi lao động nhưng không có lương hưu.

a) Tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho gia đình sinh đủ 2 con một bề là gái, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, mẹ còn trong độ tuổi sinh đẻ nhưng không vi phạm chính sách dân số kể từ khi sinh con gái thứ 2. Xét khen thưởng hằng năm do cấp tỉnh tổ chức.

b) Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố cho gia đình sinh đủ 2 con một bề là gái. Xét khen thưởng hằng năm do cấp huyện tổ chức.

3. Chính sách tư vấn, tầm soát các bệnh, dị tật bẩm sinh trong sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng sống vùng có nguy cơ, vùng nhiễm chất độc dioxin trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

a) Hỗ trợ chi phí sàng lọc trước sinh cho phụ nữ mang thai (siêu âm và xét nghiệm tầm soát Hội chứng Down, Edward và Patau, dị tật ống thần kinh) và sàng lọc sơ sinh (xét nghiệm tầm soát bệnh thiếu men G6PD, bệnh suy giáp bẩm sinh, tăng sản tuyến thượng thận, bệnh do rối loạn chuyển hóa, chứng suy thính giác), theo giá dịch vụ y tế hiện hành.

b) Hỗ trợ cộng tác viên dân số, cán bộ y tế tư vấn, tuyên truyền vận động trong cộng đồng thực hiện sàng lọc trước sinh và sơ sinh là 15.000 đồng/đối tượng được thực hiện sàng lọc.

4. Chính sách động viên, khuyến khích cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình ấp, khu vực.

Hỗ trợ thấp nhất 30% chi phí mua bảo hiểm y tế tự nguyện cho cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình.

5. Kinh phí thực hiện

Tổng dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện một số chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2025: 17.708.550.000 đồng (Mười bảy tỷ bảy trăm lẻ tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó nguồn kinh phí:

- Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp y tế, quỹ thi đua khen thưởng tỉnh Hậu Giang).

- Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu.

- Nguồn ngân sách cấp huyện.

- Nguồn vận động xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

(Đính kèm phụ lục chi tiết I, II, III)

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2018. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ Y tế (Tổng cục DS-KHHGĐ);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan báo, đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. /

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thanh Tạo

PHỤ LỤC I

PHÂN KỲ VÀ TỶ LỆ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH
MỘT SỐ MỨC HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ GIAI ĐOẠN 2019-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21 /2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: 1.000 đồng

THỜI GIAN	TỔNG KINH PHÍ TỪNG NĂM	NGUỒN KINH PHÍ PHÂN CẤP	
		Cấp tỉnh	Cấp huyện
Năm 2019	2.017.650	1.492.900	524.750
Năm 2020	2.017.650	1.492.900	524.750
Năm 2021	2.422.650	1.897.900	524.750
Năm 2022	2.422.650	1.897.900	524.750
Năm 2023	2.422.650	1.897.900	524.750
Năm 2024	3.097.650	2.572.900	524.750
Năm 2025	3.307.650	2.782.900	524.750
Tổng cộng:	17.708.550	14.035.300	3.673.250



PHỤ LỤC II
KINH PHÍ THỰC HIỆN QUY ĐỊNH MỘT SỐ MỨC HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH HẬU GIANG GIAI ĐOẠN 2019 – 2025

(Được ban hành, sửa đổi theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	Nội dung hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng kinh phí gia đoạn 2019 -2025	
		Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện
	Tổng	1.492.900	524.750	1.492.900	524.750	1.897.900	524.750	1.897.900	524.750	1.897.900	524.750	2.572.900	524.750	2.782.900	524.750	14.035.300	3.673.250
1	Chính sách điều chỉnh và duy trì mức sinh phù hợp, góp phần kéo dài thời kỳ dân số vàng và làm chậm già hóa dân số, đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ tại địa phương, thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển. Nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác	-	-	-	-	405.000	-	405.000	-	405.000	-	1.080.000	-	1.290.000	-	3.585.000	
	Chính sách khuyến khích, động viên xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã), ấp, khu vực (gọi chung là ấp) thực hiện mô hình gia đình sinh đủ 2 con duy trì trong 3 năm và 5 năm	-	-	-	-	405.000	-	405.000	-	405.000	-	1.080.000	-	1.290.000	-	3.585.000	
	Chính sách khuyến khích, động viên xã thực hiện mô hình gia đình sinh đủ 2 con duy trì trong 3 năm thường 15 triệu/xã và 5 năm thường 25 triệu/xã. Hiện tại có 70 xã có mức sinh dưới 1,89. Để đạt chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2025 là 1,89 con/bà mẹ. Cần tăng mô hình gia đình sinh đủ 2 con là 14 xã/năm bắt đầu từ năm 2021.					210.000		210.000		210.000		560.000		770.000		1.960.000	



STT	Nội dung hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng kinh phí gia đoạn 2019 -2025	
		Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện
	Chính sách khuyến khích, động viên áp thực hiện mô hình gia đình sinh đủ 2 con duy trì trong 3 năm thường 3 triệu/áp và 5 năm thường 5 triệu/áp. Hiện tại có 455 áp có mức sinh dưới 1,89. Để đạt chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2025 là 1,89 con/bà mẹ. Cần tăng mô hình gia đình sinh đủ 2 con là 65 áp/năm bắt đầu từ năm 2021.					195.000		195.000		195.000		520.000		520.000		1.625.000	
2	Chính sách khuyến khích khen thưởng cặp vợ chồng sinh đủ 2 con một bề là gái nhằm tăng cường kiểm soát MCBGT khi sinh. Nguồn kinh phí thi đua khen thưởng theo phân cấp quản lý	52.000	124.800	52.000	124.800	52.000	124.800	52.000	124.800	52.000	124.800	52.000	124.800	52.000	124.800	364.000	873.600
	<i>Chính sách khuyến khích khen thưởng, biểu dương cặp vợ chồng sinh đủ 2 con một bề là gái thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn; cho cha mẹ sinh con một bề gái khi hết tuổi lao động nhưng không có lương hưu;</i>	52.000	124.800	52.000	124.800	52.000	124.800	52.000	124.800	52.000	124.800	52.000	124.800	52.000	124.800	364.000	873.600
	Khen thưởng cấp tỉnh: Bằng khen của UBND tỉnh (từ nguồn quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh): ước 40 bằng khen/năm	52.000		52.000		52.000		52.000		52.000		52.000		52.000		364.000	-
	Khuông cấp huyện: Giấy khen của UBND cấp huyện (từ nguồn quỹ thi đua khen thưởng của cấp huyện): ước khoản 40 Giấy khen/năm/huyện		124.800		124.800		124.800		124.800		124.800		124.800		124.800	-	873.600

STT	Nội dung hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng kinh phí gia đoạn 2019 -2025	
		Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện
3	Chính sách nâng cao chất lượng dân số	1.440.900	49.950	1.440.900	49.950	1.440.900	49.950	1.440.900	49.950	1.440.900	49.950	1.440.900	49.950	1.440.900	49.950	10.086.300	349.650
	<i>Chính sách tư vấn, tầm soát bệnh, dị tật chẩn đoán trước sinh và sơ sinh</i>	1.440.900	49.950	1.440.900	49.950	1.440.900	49.950	1.440.900	49.950	1.440.900	49.950	1.440.900	49.950	1.440.900	49.950	10.086.300	349.650
	Hỗ trợ chi phí sàng lọc trước sinh cho phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc đioxin. Ước tính khoảng 30% trên tổng số phụ nữ mang thai trung bình hàng năm là 11.000 phụ nữ. vẩy có khoảng 3.300 người cần được hỗ trợ. 180.000đ/ người (nguồn sự nghiệp y tế, ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác	599.400		599.400		599.400		599.400		599.400		599.400		599.400		4.195.800	
	Hỗ trợ chi phí sàng lọc sơ sinh cho trẻ sơ sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc đioxin. Ước tính khoảng 30% trên tổng số phụ nữ mang thai trung bình hàng năm là 11.000 phụ nữ. vẩy có khoảng 3.300 trẻ cần được hỗ trợ, trong CTMTYT hỗ trợ khoảng 30% trẻ. Vẩy số trẻ cần hỗ 2550 trẻ, mỗi trẻ sàng lọc 3 bệnh là 330.000đ/ trẻ. Nguồn sự nghiệp y tế.	841.500		841.500		841.500		841.500		841.500		841.500		841.500		5.890.500	



STT	Nội dung hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Tổng kinh phí gia đoạn 2019 -2025		
		Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	Tỉnh	Huyện	
	Hỗ trợ CTY dân số, cán bộ y tế tuyên truyền, vận động phụ nữ mang thai tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc đioxin: 15.000đ/đối tượng. Nguồn ngân sách cấp huyện.		49.950		49.950		49.950		49.950		49.950		49.950		49.950		-	349.650
4	Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế cho cộng tác viên dân số-KHHGD	-	350.000	-	350.000	-	350.000	-	350.000	-	350.000	-	350.000	-	350.000	-	-	2.450.000
	Hỗ trợ thấp nhất 30% chi phí mua BHYT tự nguyện cho cộng tác viên dân số - KHHGD. Nguồn ngân sách cấp huyện		350.000		350.000		350.000		350.000		350.000		350.000		350.000		-	2.450.000



PHỤ LỤC III
KINH PHÍ CẤP HUYỆN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH MỘT SỐ MỨC HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH HẬU GIANG GIAI ĐOẠN 2019 - 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Nội dung hoạt động	Tổng	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	Tổng	3.673.250	524.750	524.750	524.750	524.750	524.750	524.750	524.750
1	Chính sách khuyến khích khen thưởng, biểu dương cặp vợ chồng sinh đủ 2 con một bề là gái thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn; cho cha mẹ sinh con một bề gái khi hết tuổi lao động nhưng không có lương hưu	873.600	124.800	124.800	124.800	124.800	124.800	124.800	124.800
	Giấy khen của UBND huyện, thị, thành phố (từ nguồn quỹ thi đua khen thưởng của huyện, thị, thành phố): 40 giấy khen/năm/huyện	873.600	124.800	124.800	124.800	124.800	124.800	124.800	124.800
2	<i>Chính sách tư vấn, tầm soát bệnh, dị tật chẩn đoán trước sinh và sơ sinh</i>	-							
	Hỗ trợ cộng tác viên dân số, cán bộ y tế tư vấn, tuyên truyền vận động trong cộng đồng thực hiện sàng lọc trước sinh và sơ sinh là 15.000 đồng/đối tượng được thực hiện sàng lọc	349.650	49.950	49.950	49.950	49.950	49.950	49.950	49.950
3	Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế cho cộng tác viên dân số -KHHGD	2.450.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000
	Hỗ trợ thấp nhất 30% chi phí mua BHYT tự nguyện (trừ những trường hợp được cấp miễn phí)	2.450.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000